

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

-----o0o-----

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

(Giấy CN ĐKDN số 0104659943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 08 năm 2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 421./QĐ-SGDHN do SGDHN cấp ngày 10 tháng 07 năm 2015)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT

Địa chỉ: Số 13, ngõ 1, phố Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.33545612/04.22250097

Fax: 04.22250097

Website: hvx.com.vn

Email: ahco.jsc@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3577.1968 Fax: 04.3577.1966

Website: <http://www.apec.com.vn>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Nguyễn Ngọc Sơn

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Điện thoại: 0904351970



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HUNG VIỆT



GREEN HUNG VIET

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 5.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 50.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3577.1968 Fax: 04.3577.1966

Website: apcc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG T.D.K

Địa chỉ: 2A Tầng 11 sàN KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT – CA HN,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 44500668 Fax: 04. 44500669

Website: kiemtoanthanglongtdk.com

MỤC LỤC

PHẦN I	3
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN	3
1.1. Rủi ro về biến động kinh tế.....	3
1.2. Rủi ro biến động chứng khoán	4
1.3. Rủi ro đặc thù	4
1.4. Rủi ro về Pháp luật.....	5
1.5. Rủi ro khác	6
PHẦN II.....	7
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn	7
PHẦN III	8
CÁC KHÁI NIỆM.....	8
PHẦN IV	10
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
1.1. Giới thiệu về Công ty.....	10
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển.....	11
1.3. Quá trình tăng vốn	11
2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	13
2.1. Sơ đồ: (trang tiếp theo)	13
2.2. Diễn giải sơ đồ	14
3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 31/3/2015.....	18
3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 31/3/2015	18
3.2. Cổ đông sáng lập.....	19
3.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 31/3/2015	19
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Nông nghiệp xanh Hưng Việt đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc quyền chi phối.....	19
4.1. Danh sách công ty mẹ.....	19
4.2. Danh sách công ty con.....	19

4.3. Danh sách công ty liên kết	19
5. Hoạt động sản xuất kinh doanh	19
5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	22
5.2. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào	23
5.3. Cơ cấu chi phí	25
5.4. Trình độ công nghệ.....	26
5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:	26
5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:.....	27
5.7. Hoạt động Marketing	27
5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	27
5.9. Một số hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết	28
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	29
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013, năm 2014.....	29
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.	30
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	31
8. Chính sách đối với người lao động.....	33
9. Chính sách cổ tức.....	35
10. Tình hình hoạt động tài chính	35
10.1. Các chỉ tiêu cơ bản	35
10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	39
11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	40
11.1. Danh sách	40
11.2. Sơ yếu lý lịch	41
12. Tài sản.....	51
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2015-2016	51
13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	52
13.2. Định hướng phát triển chiến lược của Công ty	53
14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	54
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	55

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:.....	55
PHẦN V.....	56
CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	56
PHẦN VI	59
CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	59
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	59
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	59
PHẦN VII.....	60
PHỤ LỤC	60

PHẦN I

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán niêm yết của Công ty.

1.1. Rủi ro về biến động kinh tế

Tốc độ phát triển kinh tế

Kinh tế Việt Nam năm 2014 có nhiều điểm sáng với những con số đạt và vượt chỉ tiêu được Quốc hội thông qua đầu năm. Con số đáng chú ý nhất về kinh tế Việt Nam 2014 là lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô ổn định tốt hơn. Chỉ số giá tiêu dùng giảm mạnh còn 1,83%. Trần lãi suất huy động ở mức 5,5%/năm, lãi suất cho vay cũng được điều chỉnh về mức 7%/năm với ngắn hạn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng và phát triển sản xuất. Tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng, đạt mức cao nhất từ trước đến nay, niềm tin vào đồng tiền Việt Nam tăng lên. Cũng trong năm 2014, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's đã ra thông báo nâng bậc xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam. Cụ thể, mức tín nhiệm đối với trái phiếu Chính phủ tăng từ mức B2 lên mức B1, mức triển vọng được đánh giá "ổn định".

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 tăng 5,98%, mức cao nhất trong 3 năm trở lại đây cho thấy những dấu hiệu tích cực của nền kinh tế, trong đó quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07% và quý IV là 6,96% do đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng của khu vực II (Theo số liệu Tổng cục thống kê năm 2014).

Về cơ cấu kinh tế, năm 2014, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 17,69%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,70%; khu vực dịch vụ chiếm 43,61%. Tỷ trọng của 2 khu vực công nghiệp và dịch vụ đều cao hơn năm 2013, đánh dấu sự chuyển dịch cơ cấu ngành là đúng hướng.

Những diễn biến chung của nền kinh tế luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế, khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp, ngược lại khi kinh tế suy thoái sẽ kéo theo lãi suất và lạm phát tăng cao...là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp chủ yếu sản xuất thực phẩm để xuất khẩu sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc nền kinh tế trong nước và thế giới thay đổi.

Lãi suất và lạm phát:

Do trong cơ cấu vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay nợ nên bất kỳ sự thay đổi nào của lãi suất trên thị trường cũng ảnh hưởng trực tiếp

đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian qua lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng giảm, đây là tín hiệu tích cực cho sự phục hồi của nền kinh tế. Trong ngắn hạn yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty do ban lãnh đạo Công ty luôn có được sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành. Tuy nhiên, trong dài hạn, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và tình hình lãi suất trên thị trường biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro sẽ tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Rủi ro biến động chứng khoán

Công ty thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin và đặc biệt là quan hệ cung cầu trên thị trường. Quan hệ này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố vĩ mô của nền kinh tế trong nước và thế giới; các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư... Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng giảm giá hoặc khối lượng giao dịch ít sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro từ thị trường

Rủi ro thị trường là một trong những rủi ro chính mà các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp luôn phải đối mặt, đặc biệt trong bối cảnh thị trường nông sản ngày càng khắt khe và tình hình cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Biến động giá đầu ra là một nguyên nhân quan trọng gây ra rủi ro trong nông nghiệp, thực tế giá nông sản thay đổi năm này qua năm khác và biến động lớn theo mùa vụ sản xuất trong một năm. Trong nông nghiệp, chu kỳ sản xuất thường tương đối dài trong vòng từ 3-4 tháng và thậm chí là lớn hơn, do đó các quyết định sản xuất phải diễn ra trước khi có sản phẩm trong thời gian dài theo mùa vụ, và trong thời gian đó giá cả nông sản có thể thay đổi không lường trước được làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.

Cung cầu trên thị trường nông sản cũng thường biến động khó lường và chịu ảnh hưởng từ rất nhiều yếu tố là nguyên nhân chính làm giá cả sản phẩm nông nghiệp thay đổi không trong tầm kiểm soát. Cụ thể, cung nông sản chịu tác động của quyết định sản xuất của từng người nông dân, nông hộ, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành, đặc biệt chịu ảnh hưởng nặng nề của thời tiết trong năm. Trong khi đó nhu cầu nông sản chịu ảnh hưởng bởi một loạt yếu tố như thu nhập người tiêu dùng, xuất khẩu và chính sách xuất khẩu, tình hình nền kinh tế nói chung...

✚ Rủi ro về yếu tố đầu vào

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, biến động giá cả nguyên liệu sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là những nguyên liệu này hiện nay của công ty được cung cấp từ các trang trại hay các thương lái của các tỉnh Phú Thọ, Thanh Hóa, Nam Định... nên nguồn nguyên liệu được cung cấp còn nhiều hạn chế.

✚ Rủi ro về dịch bệnh và thời tiết

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nên yếu tố về thời tiết và dịch bệnh ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đây là một trong những rủi ro đặc thù quan trọng của ngành. Thời tiết khắc nghiệt làm sụt giảm sản lượng vật nuôi cây trồng. Thời tiết nóng quá hay lạnh quá đều làm giảm sức khỏe của gia súc, dễ bị nhiễm bệnh hơn, bỏ bữa thậm chí có thể chết, còn cây trồng bị thiếu nước, nông sản khó bảo quản, dễ thối hỏng, gây thiệt hại kinh tế lớn cho các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, thiên tai, hạn hán, lũ lụt cũng là những rủi ro bất khả kháng của thời tiết, gây ra những thiệt hại không hề nhỏ tới hoạt động của Công ty, đặc biệt là hoạt động vận chuyển hàng hóa và nguyên liệu đầu vào của Công ty.

Rủi ro dịch bệnh là một hiểm họa lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành nông nghiệp, đặc biệt là các công ty có quy mô lớn với nhiều đầu gia súc, gia cầm, và cây trồng. Nhiệt độ thay đổi tạo điều thuận lợi để phát triển các dịch bệnh như: bệnh lở mồm long móng, bệnh tai xanh, bệnh tiêu chảy, bệnh dại, ..., một khi cá thể đã nhiễm bệnh sẽ nhanh chóng lây lan trong đàn, và rất khó ngăn chặn, tỉ lệ chết đàn cao. Vì vậy, dịch bệnh luôn là mối đe dọa lớn đến hiệu quả hoạt động của các công ty sản xuất trồng trọt và chăn nuôi, nó yêu cầu các doanh nghiệp trong ngành phải chú trọng đầu tư kỹ thuật dự phòng dịch bệnh như: tiêm phòng, quây chuồng trại, phương án cách ly khu vực dịch và tiêu hủy khi có bệnh dịch.

1.4. Rủi ro về Pháp luật

Các công ty trong ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản

dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

1.5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại rất lớn về người và của, từ việc phá hủy một phần đến phá hủy hoàn toàn cơ sở hạ tầng, nhà xưởng máy móc, trang thiết bị của Công ty.

PHẦN II**NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức niêm yết**

Ông: Phạm Trường Lâm	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Ngọc Sơn	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Nguyễn Đông Minh	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Nguyễn Thị Hoa	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: Nguyễn Đỗ Lăng	Chức vụ: Tổng Giám Đốc
----------------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt cung cấp.

PHẦN III

CÁC KHÁI NIỆM

1/ “Công ty”: Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104659943 do Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 08 năm 2014.

2/ “Bản cáo bạch”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

3/ “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

4/ “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.

5/ “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

6/ “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

7/ “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt

8/ “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt.

9/ “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt

10/ “Ban Giám đốc”: Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt.

11/ “Vốn điều lệ”: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.

12/ “Tổ chức niêm yết”: Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt.

13/ “Tổ chức kiểm toán”: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long

14/ “Tổ chức tư vấn”: Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

HVA	Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt.
HDQT	Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt
BKS	Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt
GD	Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt
BGD	Ban Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt
CBCNV	Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
VSCH	Vốn chủ sở hữu
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Số CMND	Số chứng minh nhân dân
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần

PHẦN IV**TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT****1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1. Giới thiệu về Công ty**

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP XANH HƯNG VIỆT**
- Tên giao dịch quốc tế : **HUNG VIET GREEN AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY**
- Trụ sở chính : Số 13, ngõ 1, phố Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 04.33545612/04.22250097
- Fax : 04.22250097
- Website : hvx.com.vn
- Biểu tượng của Công ty



- Vốn điều lệ đăng ký : 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 50.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104659943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 08 năm 2014.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - Trồng trọt, chăn nuôi tổng hợp
 - Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
 - Nhận và chăm sóc cây giống chuyên nghiệp

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa cây cảnh
- Xây dựng nhà các loại và hoàn thiện công trình xây dựng.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt tiền thân là Công ty cổ phần đầu tư xây lắp An Hưng được thành lập ngày 19 tháng 05 năm 2010 tại Hà Nội với vốn điều lệ là 4,5 tỷ đồng.

Từ năm 2013 về trước, Công ty thực hiện các hoạt động xây dựng nhà ở và hoàn thiện công trình xây dựng. Năm 2014, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực sản xuất chăn nuôi trang trại, thông qua tiếp nhận góp vốn bằng tài sản của 05 chủ trang trại, tạo nên một hệ thống trang trại có quy mô lớn ở Đồng bằng Sông Hồng và Tây Bắc Bộ, xây dựng trên hệ thống kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt khép kín VAC, và giao cho các chủ cũ trực tiếp quản lý điều động sản xuất của các trang trại. Hiện tại, để phù hợp với tình hình của doanh nghiệp, tận dụng những ưu thế của vùng sản xuất và đáp ứng các yêu cầu đảm bảo chất lượng, nâng cao năng suất lao động, năng lực sản xuất, Công ty đã thực hiện tinh gọn và hoạt động với 02 trang trại với quy mô khá và vừa là Trang trại Nga Sơn, và Trang trại Thạch Thành đều đặt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 05 tháng 03 năm 2015, Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 963/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

1.3. Quá trình tăng vốn

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần Công ty đã tiến hành 01 lần tăng vốn vào tháng 04/2014 từ 4,5 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể như sau :

➤ Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/QĐ–AHCO ngày 18/03/2014 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 4.5 tỷ lên 50 tỷ bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2014/QĐ–ĐHCO ngày 06/04/2014 thông qua việc góp vốn bằng tài sản và góp vốn bằng bù trừ công nợ.
- Đăng ký kinh doanh số 0104659943 đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 26/03/2014, đổi tên thành Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt, vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

- Chứng thư thẩm định giá số 127/2014/CTTĐ-AVALUE/01 ngày 04/04/2014 và công văn ngày 25/04/2014 của Công ty CP thẩm định giá Avalue.
- Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 06/04/2014, Biên bản chấp thuận chuyển nợ thành vốn góp ngày 06/04/2014 giữa cổ đông và Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt.
- Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2014.

➤ **Chi tiết đợt phát hành**

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 4.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 50.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp: 50.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số cổ đông mua cổ phiếu: 06 cổ đông
- Tỷ lệ phát hành: 9:100 (cổ đông hiện hữu sở hữu 09 cổ phần sẽ được quyền mua 100 cổ phiếu mới)
- Số lượng phát hành: 4.550.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cp
- Giá trị phát hành: 45.500.000.000 đồng.
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 06/04/2014
- Hình thức góp vốn: Bằng tài sản và bù trừ công nợ

- Trong đó:

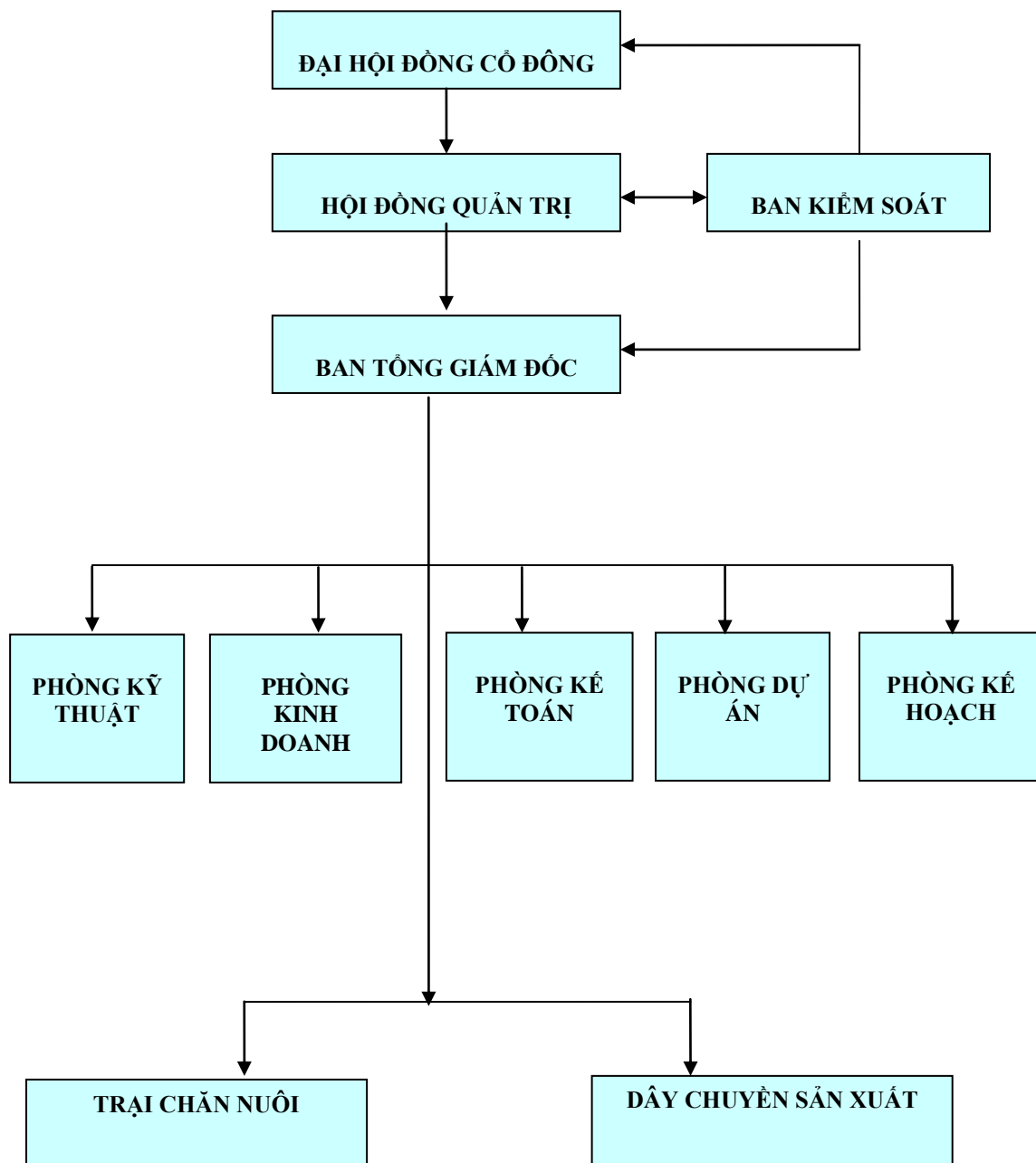
✓ Góp vốn bằng tài sản: 35.529.000.000 đồng

Bao gồm 5 trang trại chăn nuôi: Trang trại Nam Định; Trang trại Thạch Thành – Thanh Hóa; Trang trại Nga Sơn – Thanh Hóa; Trang trại Ba Vì – Hà Nội và Trang trại Đông Mỹ - Thanh Trì – Hà Nội.

✓ Góp vốn bằng bù trừ công nợ: 9.971.000.000 đồng

2. Cơ cấu bộ máy quản lý

2.1. Sơ đồ:



2.2. Diễn giải sơ đồ

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát

BKS do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Chức năng các phòng ban

Phòng Kỹ thuật

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc và tham mưu giúp Giám đốc về lĩnh vực quản lý, sử dụng phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư trong toàn Công ty.

- Chủ trì trong việc xây dựng Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị và công tác bảo hiểm cho phương tiện, thiết bị.
- Tham mưu công tác điều động các phương tiện, thiết bị, vật tư giữa các đơn vị trong công ty. Hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị thành viên trong công tác quản lý vật tư thiết bị như lập báo cáo quyết toán ca máy, vật tư, nhiên liệu ..vv
- Tham mưu công tác xây dựng Quy định các phương pháp thử nghiệm và kiểm tra chất lượng. Kiểm nghiệm nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm.
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Giám đốc về thanh lý tài sản cố định.
- Chủ trì tổ chức kỹ thuật cho các dự án do công ty làm chủ đầu tư và thực hiện;
- Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn phù hợp mà Công ty chọn. Duy trì hệ thống quản lý chất lượng có hiệu quả. Tổ chức đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng nhằm duy trì và cải tiến hệ thống.
- Lập kế hoạch và quản lý, giám sát công tác kỹ thuật và chất lượng trong các dự án do công ty làm chủ đầu tư và thực hiện;
- Giám sát, theo dõi kiểm tra phát hiện kịp thời những sự cố kỹ thuật trong quá trình thi công và đề xuất các phương án xử lý trình Giám đốc phê duyệt cho các đơn vị thực hiện.
- Chủ động quan hệ với các đơn vị tư vấn, các cơ quan khoa học kỹ thuật của ngành của địa phương để nắm bắt những thông tin về khoa học và kỹ thuật mới áp dụng vào tình hình thực tế tại Công ty. Tham mưu cho Giám đốc về việc tổ chức quản lý, chỉ đạo công tác khoa học công nghệ và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đầu tư phương tiện, thiết bị.
- Tham gia Hội đồng tổ chức đấu thầu, lập hồ sơ yêu cầu cùng với tổ chuyên gia phân tích hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu do Công ty làm chủ đầu tư và thực hiện. Lập và soát xét hồ sơ mời thầu phần yêu cầu kỹ thuật và tham gia tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu. Lập hồ sơ dự thầu và tham gia đấu thầu xây lắp các công trình.
- Phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc trong công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác thi nâng bậc công nhân hàng năm.
- Tổng hợp báo cáo kịp thời về công tác chuyên môn theo quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Lãnh đạo yêu cầu.

Phòng Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Kinh doanh

Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra hàng hóa trong kho, nhập hàng, tham mưu cho Ban giám đốc về giá cả hàng hóa của công ty...

Phòng Dự án

- Là đầu mối tổ chức các hoạt động liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư của công ty;
- Thực hiện chức năng quản lý dự án đối với các dự án công ty làm chủ đầu tư hoặc các hợp đồng có liên quan đến tư vấn quản lý dự án như: tổ chức quản lý chi phí của dự án; tổ chức quản lý tiến độ thực hiện của dự án; tổ chức quản lý chất lượng của dự án;
- Tham mưu cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến quản lý dự án mà công ty làm chủ đầu tư hoặc các hợp đồng liên quan đến tư vấn quản lý dự án;
- Tổ chức thi công dự án theo hình thức chủ đầu tư tự thực hiện (nếu có) nếu việc tự thực hiện mang lại hiệu quả cao hơn so với các hình thức khác;
- Tổ chức thực hiện giám sát thi công và lắp đặt thiết bị các dự án (nếu có);

- Thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc công ty;
- Các công việc khác theo sự điều hành của Giám đốc công ty.

Phòng Kế hoạch

- Là phòng chuyên môn về kỹ thuật chăn nuôi của Công ty, tham mưu giúp Ban giám đốc và Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch phát triển, đưa ra các cơ chế phát triển mảng chăn nuôi của Công ty
 - Chịu trách nhiệm về công tác giống, chất lượng con giống, thức ăn cho gia súc và quy trình công nghệ trong chăn nuôi, chất thải và môi trường chăn nuôi
 - Tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo để các giải pháp, cơ chế chính sách hỗ trợ khắc phục, khôi phục sản xuất chăn nuôi sau thiên tai dịch hại trong quá trình chăn nuôi;
 - Quản lý hoạt động hợp tác đầu tư với các trang trại chăn nuôi trong khu vực và báo cáo tình hình, kết quả hoạt động của các dự án này.

Trại chăn nuôi

Hiện nay công ty có 02 trang trại quy mô khá và vừa, xây dựng trên dây chuyền khép kín VAC giao cho các chủ trang trại quản lý khai thác, đây hứa hẹn sẽ là nguồn thu chính cho công ty trong tương lai.

Dây chuyền sản xuất

Công ty hiện tại có một dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi đặt tại Nga Sơn – Thanh Hóa. Đây là dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi tiên tiến cung cấp thức ăn cho các trang trại trong hệ thống công ty, chính vì vậy giảm được rất nhiều chi phí và tăng lợi nhuận cho các trang trại nói riêng và công ty nói chung.

3. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 31/03/2015

3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 31/03/2015

Bảng 1

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	124	5.000.000	50.000.000.000	100
1	Tổ chức	1	65.000	650.000.000	1,3
2	Cá nhân	123	4.935.000	49.350.000.000	98,7
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0

	Tổng cộng	124	5.000.000	50.000.000.000	100%
--	------------------	------------	------------------	-----------------------	-------------

(Nguồn: Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

3.2. Cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

3.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 31/03/2015

Bảng 2

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/Mã số doanh nghiệp	Số lượng CP sở hữu (Cổ phần)	Tỷ trọng (%)
1	Nguyễn Ngọc Sơn	Phòng 11.4/CT3 – Vimeco, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	036070000065	742.500	14,85
2	Nguyễn Huy Hoàng	Thôn 84, xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	111438063	304.600	6,09
	Tổng cộng			1.047.100	20,94

(Nguồn: Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà CTCP Nông nghiệp xanh Hưng Việt đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc quyền chi phối

4.1. Danh sách công ty mẹ

Không có

4.2. Danh sách công ty con

Không có

4.3. Danh sách công ty liên kết

Không có

5. Hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo mô hình trang trại tập trung:

Hiện nay công ty tập trung đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi theo mô hình trang trại tập trung gồm 01 trang trại chăn nuôi và 01 khu trang trại tổ hợp.

Trang trại chăn nuôi Nga Sơn – Thanh Hóa

- Diện tích: 3,5 ha
- Sản phẩm chính: lợn sữa, lợn hậu bị, cá rô phi, cá trắm cỏ, ...

Khu tổ hợp Thạch Thành – Thanh Hóa

- Diện tích: 5 ha
- Bao gồm:
 - + Khu nuôi lợn sinh sản, lợn thịt, lợn sữa (với 2 chuồng kép)
 - + Khu phục vụ chăn nuôi
 - + Khu hành chính
 - + Khu hạ tầng kỹ thuật
 - + Công trình xử lý môi trường
- Sản phẩm chính: lợn sữa, lợn hậu bị, lợn thịt...

❖ Hoạt động thương mại:

Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo mô hình trang trại tập trung, công ty còn tiến hành các hoạt động mua bán thương mại các mặt hàng nông sản như cà phê, ngô, hạt tiêu,...

❖ Hoạt động xây lắp:

Đây là hoạt động gắn bó với công ty từ những ngày đầu thành lập với các dịch vụ chuẩn bị mặt bằng, xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng và xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Một số hình ảnh hoạt động chăn nuôi trang trại



5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm*Cơ cấu doanh thu các sản phẩm và dịch vụ năm 2013, 2014, và Quý I/2015*

Bảng 3

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Tỷ trọng/ DTT (%)	Năm 2014	Tỷ trọng/ DTT (%)	Quý I/2015	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Doanh thu từ hoạt động xây lắp, xây dựng	10.175.932.447	100	957.747.806	1,66	694.170.000	5,23
2	Doanh thu từ hoạt động trang trại	-	-	10.676.400.000	18,49	2.275.000.000	17,14
3	Doanh thu từ hoạt động thương mại	-	-	46.090.000.000	79,85	10.300.000.000	77,63
	Tổng cộng	10.175.932.447	100	57.724.147.806	100	13.269.170.000	100

(Nguồn: CTCP Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

Trong năm 2013, Công ty chỉ thực hiện các hoạt động xây lắp, xây dựng với tỷ trọng chiếm 100% doanh thu thuần của năm. Cụ thể trong năm 2013, công ty đã tiến hành các hoạt động xây lắp và xây dựng như chuẩn bị mặt bằng theo hợp đồng ký với Viện vệ sinh dịch tễ Trung Ương, thi công đá Gramito cho Ngân hàng nhà nước theo hợp đồng thầu với Công ty CP Đầu tư xây dựng Biển Đông, và các hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt hệ thống điều hòa, hoàn thiện nội thất công trình khách sạn Phan Đình Phùng cho Công ty TNHH Dịch vụ và Phát triển Mai Anh.

Năm 2014, Công ty tiến hành tăng vốn và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực trang trại chăn nuôi và thực hiện các hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng nông nghiệp như: cà phê, ngô... Do đó doanh thu thuần năm 2014 đạt: 57,7 tỷ tăng 571% so với năm 2013. Trong đó hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng như: cà phê, ngô mang lại nguồn doanh thu chủ yếu cho công ty hơn 46 tỷ đồng, chiếm 79,85% doanh thu thuần năm 2014. Hoạt động kinh doanh trang trại chăn nuôi đạt doanh

thu: 10,67 tỷ chiếm 18,49% doanh thu thuần năm 2014. Hoạt động xây lắp, xây dựng đạt: 957 triệu chiếm 1,66% doanh thu thuần năm 2014.

Cơ cấu lợi nhuận gộp các sản phẩm và dịch vụ năm 2013, 2014 và quý I/2015

Bảng 4

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Tỷ trọng /DTT (%)	Năm 2014	Tỷ trọng /DTT (%)	Quý I/2015	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Lợi nhuận từ hoạt động xây lắp, xây dựng	603.498.166	5,93	(135.399.489)	(0,23)	83.959.136	0,63
2	Lợi nhuận từ hoạt động trang trại	-	-	3.868.535.355	6,70	608.548.277	4,59
3	Lợi nhuận từ hoạt động thương mại	-	-	3.320.000.000	5,75	800.000.000	6,03
	Tổng cộng	603.498.166	5,93	7.053.135.866	12,22	1.492.507.413	11,25

(Công ty CP Nông Nghiệp xanh Hưng Việt)

Trong năm 2013, doanh thu của công ty ghi nhận hoàn toàn từ hoạt động xây lắp, xây dựng nên lợi nhuận gộp cũng từ đó. Lợi nhuận gộp là 603 triệu chiếm 5,93% doanh thu thuần của Công ty.

Năm 2014, Công ty mở rộng hoạt động sản xuất sang lĩnh vực chăn nuôi và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông nghiệp nên bắt đầu có lợi nhuận đến từ các hoạt động này. Lợi nhuận từ hoạt động trang trại là 3,8 tỷ chiếm 6,7%/doanh thu thuần, lợi nhuận từ hoạt động thương mại là 3,3 tỷ chiếm 5,75%/doanh thu thuần. Lợi nhuận từ hoạt động xây lắp bị âm 135 triệu là do các công trình thi công bị đội giá thành nguyên vật liệu (xi măng, đá xây dựng,...) và chi phí nhân công tăng cao.

5.2. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

❖ Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu

Với chủ trương ổn định nguồn nguyên vật liệu đầu vào nhằm đảm bảo quá trình hoạt động sản xuất được diễn ra đều đặn và liên tục, các trang trại của Công ty được đặt ở các địa phương có vùng chăn nuôi lợn phát triển, vì vậy được hưởng rất nhiều những chính

sách ưu đãi của địa phương, đặc biệt là những chính sách về nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào như thức ăn chăn nuôi và con giống.

Yếu tố đầu vào đầu tiên của bất kỳ hoạt động nông nghiệp nào là nguồn nước. Các trang trại đều được xây dựng theo mô hình Vườn – Ao – Chuồng (VAC) nên việc đảm bảo nguồn nước cung cấp cho các hồ nước được đặc biệt chú ý, các hồ vừa là nơi nuôi trồng thủy sản, vừa có nhiệm vụ dự trữ nước cho chăn nuôi và một phần phục vụ cho việc trồng xen kẽ các giống cây lâu năm. Một trong những công việc quan trọng trong khâu đầu vào đó là việc lựa chọn con giống, điều này quyết định 80% sự thành công của hoạt động sản xuất nông nghiệp, nó tác động lớn đến phẩm chất và chất lượng của sản phẩm đầu ra sau này. Một trong các yếu tố đầu vào quan trọng nữa là thức ăn chăn nuôi, với việc được xây dựng tại các địa phương có vùng chăn nuôi lợn phát triển, nên nguồn thức ăn chăn nuôi tại địa phương được đảm bảo.

Ngoài ra, Công ty còn có những hợp đồng cung ứng nguồn nguyên liệu với một số thương lái ở các tỉnh lân cận như: Nghệ An, Phú Thọ, Ninh Bình, ... và một số trang trại chăn nuôi trên địa bàn, được duy trì, nhằm dự phòng rủi ro bất ổn về nguồn nguyên liệu tại chỗ.

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Nhìn chung việc cung cấp nguyên liệu đầu vào tại các địa phương của Công ty luôn luôn ổn định. Ngoài ra, Công ty đã có được mối quan hệ đối tác bền chặt với các nhà cung ứng nguyên liệu tại các tỉnh thành Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh,....

Danh sách một số nhà cung cấp vật tư, nhiên liệu cho Công ty

Bảng 5

Stt	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Công ty TNHH TNC	Lô 21b Đường Bình Than, Phường võ cường TP Bắc Ninh	Vật liệu XD
2	Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư AFX	Thôn 2 Xã Lại Yên Hoài Đức Hà Nội	Ngô hạt, café thóc
3	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	Thôn Đồng Phù, Xã Nam Mỹ, Nam Trục Nam Định	Lợn giống
4	Thái Thanh An	Phường Bình Đảng Thị Xã Từ Sơn Bắc Ninh	Cá giống
5	Công ty cổ phần VIETPRO Việt Nam	Số 7 Ngõ 151 Phố Định Công Phường Định Công Hoàng Mai HN	Màng HDPE

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

5.3. Cơ cấu chi phí

Tỷ trọng chi phí của Công ty qua các năm:

Tỷ trọng các chi phí của Công ty qua các năm

Bảng 6

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Quý I/2015	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ DTT (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/ DTT (%)
1	Giá vốn bán hàng	9.572.434.281	94,07	50.671.011.940	88,00	11.776.662.587	88,75
2	Chi phí QLDN	332.619.223	3,27	584.644.270	1,01	226.532.250	1,71
3	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
4	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	9.905.053.504	97,34%	51.255.656.210	89,01%	12.003.194.837	90,46

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2013, công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng với mức giá vốn hàng bán đạt 9,57 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 94,07% trên doanh thu thuần. Bước sang năm 2014, với định hướng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang các lĩnh vực nông nghiệp và thương mại nông sản, hoạt động kinh doanh của công ty có bước phát triển mới, giá vốn hàng bán tăng mạnh đạt 50,67 tỷ, chiếm tỷ trọng 88,00% doanh thu thuần.

Xét về tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần có thể thấy mức giảm từ 97,34% năm 2013 xuống còn 89,01% năm 2014, trong đó tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu

thuần giảm đáng kể từ 94,07% xuống còn 88,00% do giá vốn hàng bán từ mặt hàng chăn nuôi lợn, cá và hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng trên doanh thu tương ứng ở mức thấp hơn trong tương quan so sánh với hoạt động xây lắp, xây dựng. Tỷ trọng chi phí quản lý trên doanh thu thuần cũng giảm từ 3,27% năm 2013 xuống còn 1,01% năm 2014, tuy nhiên về giá trị tuyệt đối, chi phí quản lý năm 2014 tăng so với năm 2013 do việc đa dạng ngành nghề kinh doanh.

Chi phí bán hàng bằng 0: Đối với các sản phẩm sản xuất nông nghiệp, công ty tập trung chăn nuôi và cung ứng sản phẩm cho các đơn vị kinh doanh có quan hệ từ trước và thực hiện giao hàng tại trang trại nên không phát sinh chi phí bán hàng. Tương tự như vậy, với hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản, công ty thực hiện các hợp đồng giao nhận hàng tại kho, các chi phí vận tải bốc xếp đã nằm trong giá mua bán quy định trong hợp đồng, chính vì vậy cũng không phát sinh chi phí bán hàng.

Chi phí tài chính năm 2014 bằng 0: Trong năm 2014, Công ty không có nợ vay ngân hàng mà chỉ vay của cá nhân là cổ đông, nhân sự chủ chốt của công ty với lãi suất 0% để bổ sung vốn lưu động nên không phát sinh chi phí tài chính năm 2014, các khoản này đã được Công ty thanh toán hết trong năm.

Chính sách quản lý chi phí:

Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động sản xuất tới từng cán bộ công nhân viên nhằm mục đích giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong lao động sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.4. Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị được nhập khẩu từ các nước có nền chăn nuôi mạnh như Trung Quốc, Ấn Độ như: máy sấy vi ngang, máy sấy giàn, máy vo viên thức ăn chăn nuôi..., nhằm phục vụ tốt nhất cho quá trình sản xuất kinh doanh, phù hợp với các tiêu chuẩn kinh doanh trang trại của Việt Nam, đảm bảo sản xuất an toàn, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa phương.

Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty đã tiến hành hợp tác cùng bộ phận kỹ thuật của một số công ty bạn phát triển thành công dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi 100% công nghệ trong nước, vừa giảm chi phí đầu tư công nghệ, vừa phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất của Việt Nam.

5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Bộ phận Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty trong những năm qua đã tập hợp được những cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc đã không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty. Năm 2014, Công ty cũng chú trọng đầu tư hơn vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm trong lĩnh vực kinh doanh trang trại chăn nuôi theo mô hình tập trung, và bước đầu đạt được thành công, nhận được phản ứng tốt từ thị trường.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Nhờ hoạt động sản xuất kinh doanh trang trại theo mô hình tập trung hóa theo hướng hiện đại, Công ty có điều kiện thuận lợi để xây dựng riêng một hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ khép kín với hiệu quả cao. Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khâu lai tạo giống để đảm bảo chất lượng cung cấp cho các trang trại trong công ty và cung cấp cho khách hàng.

Đối với thu mua nguyên liệu đầu vào: Công ty cũng chọn lựa những loại thức ăn tốt nhất cho lợn và cá, đạt tiêu chuẩn và được kiểm dịch của cục thú ý.

5.7. Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình ra ngoài thị trường, đảm bảo giá trị chất lượng hàng nông sản với mức giá hợp lý, tạo mối quan hệ bền vững với các khách hàng truyền thống, từng bước tạo chỗ đứng trên thị trường.

5.8. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Hiện nay, Logo và nhãn hiệu của công ty chưa thực hiện đăng ký bản quyền.

5.9. Một số hợp đồng lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Danh sách một số hợp đồng tiêu biểu đã và đang thực hiện

Bảng 7

Đơn vị: Đồng

Stt	Đối tác	Ngày ký	Thời gian thực hiện	Sản phẩm cung cấp	Tổng giá trị hợp đồng (VND)
I Một số hợp đồng lớn đã thực hiện năm 2014					
1	Công ty Cổ phần Nature Việt	22/09/2014	30/09/2014	Ngô hạt Việt Nam	4,700,000,000
		18/08/2014	30/09/2014	Lợn thịt giống ngoại	8,555,400,000
2	Công ty cổ phần NASAN Việt Nam	16/10/2014	21/10/2014	Cafe thóc Arabica	4,840,000,000
		24/10/2014	31/10/2014	Cafe thóc Arabica Sơn La	5,750,000,000
		05/11/2014	11/11/2014	Cafe thóc Arabica Sơn La	5,800,000,000
		13/11/2014	22/11/2014	Cafe thóc Arabica Quảng Trị	4,600,000,000
		05/12/2014	12/12/2014	Cafe thóc Arabica Quảng Trị	4,700,000,000
		16/12/2014	31/12/2014	Cafe thóc Arabica	10,100,000,000
4	Trần Thị Huyền	16/08/2014	30/09/2014	Cá trắm, cá rô phi	1,437,300,000
5	Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng UDIC	08/07/2014	30/09/2014	Thi công đá Granito tại Công trình chung cư cao tầng NO2	491,400,000
7	Công ty cà phê Minh Tiên	15/12/2014	24/12/2015	Cafe thóc Arabica Sơn La	5,600,000,000
6	Công ty TNHH Tài Phát	24/06/2014	07/08/2014	Thi công đá Granito Công trình Nhà máy ISHENG ELECTRIC WIRE & CABLE VIỆT NAM	283,636,000
8	Nguyễn Lộc Minh	17/08/2014	30/09/2014	Cá trắm, cá rô phi	683,700,000
9	Công ty Cổ phần Xây Dựng Bắc Ninh	03/11/2014	24/12/2014	Thi công đá Granito Công trình tại Chi cục bảo vệ thực vật	153,556,806
10	Công ty Cổ phần Quản lý Dự án Và Xây dựng LICOGI	15/09/2014	31/10/2014	Thi công đá Granito tại gói thầu số 15A, Công trình đường 5 kéo dài.	29,155,000
	Tổng cộng				57,724,147,806
II Các hợp đồng lớn đã thực hiện trong quý I.2015					

1	Công ty TNHH 1TV phát triển Miền Núi	24/09/2014	15/02/2015	Trát đá rửa tường rào phía nam Nhà máy Fomasa	694,170,000
2	Trần Thị Huyền	15/02/2015	25/02/2015	Cá Trắm Đen	2,275,000,000
3	Công ty cổ phần NASAN Việt Nam	28/02/2015	10/03/2015	Cafe thóc Arabica	10,300,000,000
Tổng cộng					13,269,170,000
III. Các hợp đồng lớn đang thực hiện					
1	Công ty CP Đầu tư Thương Mại Hưng Nguyên	15/06/2015	15/06/2016	Heo Thịt	8,000,000,000
2	Công ty cổ phần NASAN Việt Nam	28/06/2015	25/09/2015	Cà phê Arabica	40,000,000,000
Tổng cộng					48,000,000,000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

Hiện tại, Công ty còn tồn kho 86,15 tỷ hạt tiêu Chur Sê, theo Nghị quyết HĐQT số 01/2015/HV/NQ-HĐQT, công ty có kế hoạch xuất khẩu 50% trong quý III/2015 và 50% còn lại trong quý IV/2015.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013, năm 2014 và quý I/2015

Bảng 8

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	+/- Năm 2014 so với năm 2013 (%)	Quý I/2015
1	Tổng giá trị tài sản	10.442.094.058	56.396.694.338	440,09	156.203.847.407
2	Vốn chủ sở hữu	3.569.485.236	54.141.188.980	1416,78	55.120.082.462
3	Doanh thu thuần	10.175.932.447	57.724.147.806	467,26	13.269.170.000
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	270.916.856	6.468.959.002	2287,80	1.254.991.643
5	Lợi nhuận khác	72.777.255	100	-	-

6	Lợi nhuận trước thuế	343.694.111	6.468.959.102	1782,19	1.254.991.643
7	Lợi nhuận sau thuế	257.272.277	5.071.703.744	1871,34	978.893.482
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
9	LNST/VCSH bình quân(%)	2,61%	17,58%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2013, tổng tài sản của Công ty đạt 10,44 tỷ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây dựng và xây lắp công trình theo hình thức thầu thi công, thực hiện thuê máy móc thiết bị bên ngoài.

Bước sang năm 2014, đánh dấu bước phát triển trong quy mô hoạt động của công ty với việc tăng vốn từ 4,5 tỷ lên 50 tỷ, trong đó có 35,5 tỷ được góp bằng tài sản là các trang trại nông nghiệp.

Do mở rộng hoạt động sản xuất sang lĩnh vực trang trại chăn nuôi và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản là cà phê và ngô nên doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh so với năm 2013. Doanh thu năm 2014 đạt mức 57,72, tăng 467,26% so với năm 2013. Trong đó, hoạt động thương mại các mặt hàng nông sản (cà phê, ngô) mang lại nguồn doanh thu chủ yếu cho công ty, chiếm 79,85% doanh thu thuần và 46,8% lợi nhuận gộp. Hoạt động trang trại chiếm 18,49% doanh thu thuần và 55,3% lợi nhuận gộp, hoạt động xây dựng đã giảm mạnh (chiếm 5,23% doanh thu thuần và lợi nhuận gộp bị âm do giá thành nguyên vật liệu và chi phí nhân công tăng cao).

Quý 1 năm 2015, tổng tài sản tăng đột biến do hàng tồn kho tăng bởi lượng hàng hạt tiêu mua trong quý chưa xuất bán. Doanh thu và lợi nhuận trong quý tiếp tục được ghi nhận từ hoạt động kinh doanh trang trại và thương mại nông sản, kết quả từ hoạt động xây lắp chiếm tỷ trọng nhỏ.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Những nhân tố thuận lợi

Chính sách của Nhà nước: Nhà nước đã ban hành rất nhiều những chính sách ưu đãi về hoạt động sản xuất Nông nghiệp, cùng với đó, các trang trại của Công ty được xây dựng tại những địa phương trọng điểm trong chăn nuôi của cả nước, đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao.

Nguồn lực sản xuất: Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Công ty vẫn đang rất dồi dào, với các trang trại được xây dựng theo mô hình sản xuất chăn nuôi tiên tiến – chăn nuôi theo mô hình trang trại tập trung của doanh nghiệp nên doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được chi phí quản lý sản xuất chăn nuôi và có sức cạnh tranh cao trong tiêu thụ sản phẩm về cả số lượng và chất lượng.

Nguồn lực con người: Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, và được chú trọng đầu tư đúng mức, Công ty có đủ nguồn lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm: thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty được trải dài khắp các tỉnh thành ở khu vực miền bắc và từ trong Nghệ An trở ra.

❖ Những nhân tố khó khăn

Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:

Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp nhìn chung đều giảm công suất sản xuất, kéo theo đầu ra cho sản phẩm cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua. Ngoài ra thị trường nông sản còn chịu nhiều rủi ro từ những biến động khó lường của giá cả và dịch bệnh, khiến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp khó ổn định cũng như phải trang trải nhiều chi phí cho việc phòng chống dự phòng dịch bệnh.

Các dịch bệnh bùng phát như: dịch bệnh, dịch lợn tai xanh, dịch cúm A H5N1 đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người chăn nuôi và các doanh nghiệp chế biến thực phẩm. Mà nguyên nhân chính được điều tra là do hành vi nhập lậu thực phẩm, gia súc, gia cầm không qua kiểm dịch đã làm cho dịch bệnh bùng phát. Năm 2013, Bộ Y tế đã tăng cường các trạm kiểm dịch và tiêm phòng dịch đã phần nào giảm bớt dịch bệnh, ổn định tâm lý người tiêu dùng và sản xuất trong ngành chăn nuôi và chế biến thịt.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành

Lợi thế cạnh tranh của Công ty là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành. Lực lượng lao động của Công ty dồi dào có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm. Công ty đã nghiên cứu và áp dụng đưa vào sản xuất, chăn nuôi quy trình tiên tiến nhằm nâng cao tối đa năng suất cũng như giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường và cảnh quan xung quanh, đảm bảo sức khỏe an toàn cho người lao động. Với những đề án phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty luôn được UBND, các ban ngành có liên quan của thành phố tạo điều kiện tối đa về mọi mặt.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Trong thời gian tới công ty sẽ đi theo con đường phát triển chăn nuôi trang trại và thương mại các mặt hàng nông sản là chính. Việt Nam là đất nước đi lên từ nông nghiệp, và có thể nói chỉ có nông nghiệp mới là thế mạnh của nước ta. Tập trung sản xuất các sản phẩm từ nông nghiệp và thương mại nông sản là một hướng đi đúng đắn trong thời điểm hiện tại.

Về nhu cầu về thịt lợn, đây là sản phẩm có mức tăng đều trung bình trong vòng 10 năm là 6.3%/ năm. Riêng 2013, giá thịt lợn những tháng cuối năm tăng 25% so với những tháng đầu năm (Bộ Công thương). Thịt lợn chiếm 40% tổng chi phí cho các sản phẩm về thịt của các hộ gia đình. Chăn nuôi lợn đóng vai trò chủ đạo, chiếm 71% tổng sản lượng toàn ngành chăn nuôi (ngành chăn nuôi chiếm 27% GDP ngành nông nghiệp), theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Vì vậy, chính phủ luôn có những chính sách khuyến khích, phát triển cho ngành chăn nuôi. Thực tế, mức sống của con người ngày càng tăng lên kéo theo sự thay đổi trong cơ cấu tiêu dùng thức ăn, xu hướng tiêu dùng sản phẩm trồng trọt giảm đi nhanh chóng nhường chỗ cho sản phẩm chăn nuôi. Nhu cầu về thịt trên thị trường ngày càng tăng lên, đặc biệt là nhu cầu về sản phẩm thịt lợn.

Về sản phẩm hạt tiêu, sản lượng thu hoạch, khối lượng xuất khẩu, tổng kim ngạch và giá bán sản phẩm đều đạt mức kỷ lục cao nhất từ trước tới nay. Cụ thể, sản lượng thu hoạch theo Bộ NN & PTNT đạt 125.000 tấn, khối lượng xuất khẩu đạt 156.396 tấn, tăng 16,38% so 2013. Giá xuất khẩu bình quân: Tiêu đen đạt trên 7.399 USD/tấn, tiêu trắng trên 10.648 USD/tấn, tăng 17,56% với tiêu đen và 18,07% với tiêu trắng so với 2013. Theo Bộ NN & PTNT, diện tích hạt tiêu cả nước năm 2015 khoảng 70.000 ha, dự kiến sản lượng ước khoảng 126.000 tấn, xuất khẩu 144.000 tấn, đạt giá trị khoảng 1,1 tỷ USD

Về sản phẩm cà phê: Theo Bộ NN & PTNT sản xuất cà phê năm 2014 tiếp tục tăng cao. Cụ thể: tăng 35,5% về lượng và 33,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2013. Chênh lệch giá xuất khẩu của Việt Nam và thế giới được thu hẹp đáng kể và lượng tiêu thụ nội địa tiếp tục tăng. Dự kiến năm 2015 diện tích cà phê của Việt Nam duy trì ở mức khoảng 626.000 ha, sản lượng đạt khoảng 1,3 triệu tấn, giá trị xuất khẩu ước đạt trên 3,2 tỷ USD.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Nông nghiệp nói chung và chăn nuôi nói riêng hiện là ngành kinh tế chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nền kinh tế Việt Nam. Nhờ đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ có được một lợi thế nhất định. Hiện nay, thịt lợn là nguồn thức ăn hàng đầu của người tiêu dùng Việt Nam trong số các sản phẩm thịt. Sự gia tăng nhu cầu thịt lợn bắt nguồn từ việc thu nhập của người dân ngày một tăng cao và do sự thay đổi chế độ

đinh dưỡng theo hướng tiêu dùng nhiều hơn các sản phẩm giàu protein. Ngoài ra, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng cũng được ghi nhận là nguyên nhân dẫn tới sự gia tăng tiêu dùng loại hàng hóa này.

Hiện nay, Việt Nam là nước đứng thứ tư trong các nước có số đầu lợn lớn, điều đó chứng tỏ có rất nhiều nước đang có nhu cầu nhập khẩu thịt lợn. Trong quá khứ, Việt Nam từng xuất khẩu thịt lợn sang các nước Đông Âu. Đây chính là thị trường để mở lại xuất khẩu khi có điều kiện. Ngoài ra còn các thị trường khác cũng rất cần thịt lợn như Nhật Bản, Trung Quốc. Chúng ta cần phải xuất khẩu thịt lợn bằng con đường chính thức để đem lại giá trị cao.

Đứng trước những cơ hội và thách thức trên Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới như:

- Phát triển quy mô chăn nuôi các trang trại.
- Tăng cường kiểm tra và phòng chống dịch bệnh.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm chăn nuôi.
- Lập kế hoạch, nghiên cứu nhằm mục đích mở rộng thị trường sang các nước có nhu cầu về thịt lợn...

8. Chính sách đối với người lao động

❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Công ty áp dụng mô hình trang trại tập trung theo hướng hiện đại, với khả năng tự động hóa cao, vì vậy, chu trình hoạt động sản xuất của Công ty không yêu cầu lực lượng lao động với số lượng lớn. Tính đến ngày 31/12/2014, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác xây dựng, của Công ty là 46 người. Bên cạnh đó, quy trình sản xuất chăn nuôi cũng được xây dựng không quá phức tạp tại một số khâu như bốc xếp thức ăn chăn nuôi, theo dõi và ghi chép vật nuôi, cây trồng, ... , nhằm tận dụng nhân công lao động phổ thông tại các địa phương (hiện tại, công ty đang có 40 công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông), tạo công ăn việc làm, góp phần phát triển kinh tế địa phương, vùng miền.

Bảng 9

Đơn vị: Người

Tiêu chí	31/12/2014
-----------------	-------------------

<i>Tiêu chí</i>	<i>31/12/2014</i>
Số lượng nhân viên	46
I. Phân theo trình độ học vấn	
1. Trên đại học	2
2. Trình độ đại học	3
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	1
4. Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	40
II. Phân theo thời hạn	
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ (GD, PGĐ, KTT)	4
2. Hợp đồng dài hạn	42
3. Hợp đồng ngắn hạn	0

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

✚ Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

✚ Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ

thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

🚩 Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

9. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn. Năm 2013, tuy Công ty đã đạt được lợi nhuận trên 257 triệu đồng nhưng lợi nhuận chưa phân phối vẫn âm hơn 930 triệu đồng, nên Công ty không tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông.

Năm 2014, dựa trên định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo đã quyết định tiếp tục không chia cổ tức trong năm cho các cổ đông, để tạo nguồn vốn đầu tư cho các hoạt động phát triển trong những năm sắp tới.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao TSCĐ:

- Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời

gian khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm

❖ Mức lương bình quân

- Lương bình quân năm 2014 của công nhân tại trang trại: 4.000.000 đồng/ tháng
- Lương bình quân năm 2014 của khối hành chính: 4.500.000 đồng/ tháng

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản vay nợ, không có nợ quá hạn.

❖ Các khoản phải nộp theo Luật định

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp..., hiện tại không có các khoản phải nộp quá hạn.

Bảng 10

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Thuế giá trị gia tăng	194.562.824	-	40.835.155
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.421.834	1.397.255.358	1.673.353.519
3	Tiền phạt chậm nộp	6.561.699		
	Tổng cộng	287.546.357	1.397.255.358	1.714.188.674

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Công ty đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp vào ngày 02/04/2015 là: 1.382.804.768 đồng. Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hiện nay là: 331.383.906 đồng.

❖ Trích lập các Quỹ theo luật định:

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định. Hiện tại, Công ty vẫn chưa tiến hành

trích lập các quỹ do những năm đầu hoạt động lợi nhuận của công ty chưa lớn nên ban lãnh đạo quyết định chưa trích lập các quỹ. Năm 2014 lợi nhuận công ty là 5,07 tỷ nên Ban lãnh đạo sẽ xin ý kiến trích lập các quỹ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 trong thời gian sắp tới.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 11

Đơn vị: VND

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
2	Vay và nợ dài hạn	5.300.000.000	-	-
	Tổng cộng	5.300.000.000	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Năm 2013, Công ty không có khoản vay ngắn hạn. Vay dài hạn của công ty năm 2013 là 5,3 tỷ đồng, đây là khoản vay từ ông Nguyễn Ngọc Sơn, cổ đông và hiện là giám đốc Công ty, để thực hiện đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2014, Công ty đã tiến hành chủ trương giảm thiểu các khoản nợ vào cuối kỳ. Các khoản vay nợ ngắn hạn phát sinh đều được Công ty thanh toán ngay trong kỳ. Cũng trong năm 2014, khoản nợ dài hạn 5,3 tỷ đã được Công ty thanh toán.

❖ **Tình hình công nợ**

Các khoản phải thu

Bảng 12

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Phải thu của khách hàng	8.430.870.392	9.910.079.686	14.499.556.186
2	Trả trước cho người bán	1.531.212.304	6.710.000.000	6.710.000.000
3	Các khoản phải thu khác	-	-	2.680.000.000
	Tổng cộng	9.962.082.696	16.620.079.686	23.889.556.186

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản phải thu của Công ty. Tính đến thời điểm 31/3/2015, có các khoản phải thu khách hàng lớn như sau: Công ty CP Nasan Việt Nam (9,48 tỷ đồng), ngày 10/6/2015 đã thanh toán 7,9 tỷ đồng, phần còn lại thời hạn thanh toán đến 10/9/2015; khách hàng Trần Thị Huyền (3,9 tỷ đồng) có thời hạn thanh toán đến 25/9/2015 và một số khoản phải thu nhỏ khác chưa đến thời hạn thanh toán.

Các khoản phải trả

Bảng 13

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
2	Phải trả cho người bán	1.285.062.465	445.150.000	99.143.663.470
3	Người mua trả tiền trước	-	413.100.000	-
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	287.546.357	1.397.255.358	1.714.188.675
5	Phải trả người lao động	-	-	217.964.600
6	Chi phí phải trả	-	-	-
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	7.948.200
	Tổng cộng	1.572.608.822	2.255.505.358	101.083.764.945

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty)

Tại 31/3/2015, khoản Phải trả cho người bán tăng đột biến lên 99,14 tỷ đồng, bao gồm:

- Khoản phải trả cho CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội-Kinh Bắc: số tiền là 86.150.000.000đ, đây là tiền mua hạt tiêu của Công ty CP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội-Kinh Bắc, đã hoàn tất thủ tục giao hàng, thời hạn thanh toán 31/07/2015.
- Khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư AFX: số tiền là 8 tỷ đồng, đây là tiền mua cà phê thóc Arabica của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư AFX, đã thanh toán 5,7 tỷ trong Quý II/2015, phần còn lại có thời hạn thanh toán là 27/9/2015.

❖ **Tình hình hàng tồn kho**

Bảng 14

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/3/2015
1	Nguyên liệu, vật liệu	-	54.857.143	58,848,951
2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.345.793.817	5.035.134.916
3	Hàng hóa (hạt tiêu)	-	-	86.150.000.000
	TỔNG CỘNG	-	1.400.650.960	91.243.983.867

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

Năm 2013 trở về trước, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ xây lắp với quy mô không lớn nên hàng tồn kho của Công ty cũng không nhiều. Năm 2013, toàn bộ các hạng mục xây dựng mà Công ty đã trúng thầu từ các năm trước được hoàn thành và bàn giao hết, tại ngày 31/12/2013 Công ty không có hàng tồn kho.

Năm 2014, do việc mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực mới, hàng tồn kho tại ngày 31/12/2014 của Công ty tăng lên hơn 1,4 tỷ đồng chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các trang trại.

Hàng tồn kho tại ngày 31/3/2015 tăng lên 91,24 tỷ trong đó chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 5,04 tỷ đồng (chiếm 5,5%) và hàng hóa là 86,15 tỷ đồng (chiếm 94,4%). Hàng hóa tồn kho tại ngày 31/3/2015 với giá trị lớn, chiếm 55,2% tổng tài sản, do trong quý I/2015 công ty đã mua mặt hàng hạt tiêu từ CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc và dự kiến lượng hạt tiêu này sẽ được xuất khẩu trong quý III/2015 (50% giá trị hàng hóa) và trong quý IV/2015 (50% giá trị hàng hóa). Do tính chất cạnh tranh với các công ty khác, nên công ty phải nhập hàng trong tháng 3. Tuy nhiên với mục tiêu đạt được mức giá tối ưu, mang lại lợi ích tốt nhất cho công ty, lượng hàng này sẽ được công ty xuất bán trong quý 3,4 năm nay.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 15

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,66	0,04
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,93	0,04
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	6,64	9,59
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	6,64	8,96
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	1,28	72,35
Hàng tồn kho bình quân			
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản: <u>Doanh thu thuần</u>	Lần	0,71	1,73
Tổng tài sản			

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,85	8,79
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,61	17,58
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,6	15,18
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	2,66	11,21

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Danh sách

❖ Danh sách Hội đồng quản trị

Bảng 16

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ
1	Phạm Trường Lâm	Chủ tịch HĐQT	15/08/1957	218.000
2	Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	06/07/1970	742.500
3	Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên HĐQT	25/08/1970	304.600
4	Triệu Văn Hợi	Thành viên HĐQT	07/07/1982	230.000
5	Mai Tiến Minh	Thành viên HĐQT	05/02/1984	95.000

❖ Danh sách Ban Giám đốc

Bảng 17

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ
1	Nguyễn Ngọc Sơn	Giám Đốc	06/07/1970	742.500
2	Nguyễn Huy Hoàng	Phó Giám Đốc	25/08/1970	304.600
3	Nguyễn Huy Dũng	Phó Giám Đốc	11/05/1971	-

❖ Danh sách Ban Kiểm soát

Bảng 18

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần
-----	-----------	---------	-----------	------------

				năm giữ
1	Nguyễn Thị Hoa	Trưởng BKS	09/04/1993	-
2	Lê Văn Chiến	Thành viên BKS	10/07/1986	-
3	Ngô Văn Lâm	Thành viên BKS	29/05/1970	-

❖ **Kế toán trưởng**

Bảng 19

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ
1	Nguyễn Đồng Minh	Kế toán trưởng	15/09/1977	-

11.2. Sơ yếu lý lịch

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

a. Ông: PHẠM TRƯỜNG LÂM – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: PHẠM TRƯỜNG LÂM
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/08/1957
- Nơi sinh: Đông Kỳ - Tứ Kỳ - Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2 cụm 1 Khương Đình Quận Thanh Xuân Hà Nội
- CMTND số: 011310175 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 21/05/2009
- Điện thoại liên hệ: 0913590664
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân văn hóa thông tin
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1974- 1976		Bộ đội
1976- 1992	Nhân viên	Fafilm Việt Nam
1992- Tháng 03/2014	HLV trưởng cờ tướng	X15 Bộ công an
Tháng 03/2014 – tháng 11/2014	Thành viên HĐQT	Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt

Tháng 11/2014 – nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt
---------------------	---------------	---------------------------------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 218.000 cổ phần, chiếm 4,36% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Ông: NGUYỄN NGỌC SƠN – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/07/1970
- Nơi sinh: Điền Xá – Nam Trực – Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 114/CT3 Vimenco, Trung Hòa, Cầu giấy, Hà Nội
- CMTND số: 036070000065 Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Ngày cấp: 21/10/2014
- Điện thoại liên hệ: 0904351970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi làm việc
1990 – 2000	Cán bộ kỹ thuật	Công ty cổ phần Vinaconex
2001 – 2010	Chủ tịch công đoàn	Công ty CP TT&PT nhà số 13
2010 – Tháng 03/2014	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc	Công ty CP Đầu tư xây lắp An Hưng

Tháng 03/2014 – tháng 11/2014	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc	Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt
Tháng 11/2014 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 742.500 cổ phần, chiếm 14,85% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 102.900 cổ phần

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng Cổ phiếu SH	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Hương	Vợ	102.900	2,06%

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- c. Ông: NGUYỄN HUY HOÀNG – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc**
- Họ và tên: **NGUYỄN HUY HOÀNG**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 25/08/1970
 - Nơi sinh: Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
 - CMTND số: 111438063 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 07/08/2006
 - Điện thoại liên hệ : 0983.599.907
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện nước
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị Công tác
1995-Tháng 05/2010	Cán bộ Kỹ thuật	Công ty Xây dựng số 4 Hà Nội

Tháng 05/2010 – Tháng 03/2014	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc	Công ty CP Đầu tư Xây lắp An Hung
Tháng 03/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc	Công ty CP Nông Nghiệp Xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 304.600 cổ phần, chiếm 6,09% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

d. Ông: TRIỆU VĂN HỢI – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **TRIỆU VĂN HỢI**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/07/1982
- Nơi sinh: Ngọc Phái – Chợ Đồn – Bắc Kạn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Ngọc Phái – Chợ Đồn – Bắc Kạn
- CMTND số: 095014673 Nơi cấp: Bắc Kạn Ngày cấp: 09/09/2013
- Điện thoại liên hệ: 0989349068
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị Công tác
2007 – Tháng 11/2014	Chuyên viên dự án	Công ty Cổ phần Kết Nối Đầu tư Việt Nam
Tháng 11/2014 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Nông Nghiệp Xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 230.000 cổ phần, chiếm 4,60% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

e. Ông: MAI TIẾN MINH – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **MAI TIẾN MINH**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/02/1984
- Nơi sinh: Nông Trang – Việt Trì – Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Nông Trang – Việt Trì – Phú Thọ
- CMTND số: 131586299 Nơi cấp: Phú Thọ Ngày cấp: 12/06/2007
- Điện thoại liên hệ: 0976452781
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn Vị Công tác
2011 – 2012	Nhân viên	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02
2012 – Tháng 03/2014	Nhân viên	Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp An Hưng
Tháng 03/2014 – Tháng 11/2014	Nhân viên	Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt
Tháng 11/2014– nay	Thành viên HĐQT	Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 95.000 cổ phần, chiếm 1,9% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Lý lịch thành viên Ban Giám đốc

a. Ông: NGUYỄN NGỌC SƠN – Giám đốc

(Xem mục lý lịch thành viên Hội đồng quản trị - mục b)

b. Ông: NGUYỄN HUY HOÀNG – Phó giám đốc

(Xem mục lý lịch thành viên Hội đồng quản trị - mục c)

c. Ông: NGUYỄN HUY DŨNG – Phó Giám đốc

- Họ và tên: **NGUYỄN HUY DŨNG**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/05/1971
- Nơi sinh: Xã Tân chi, Huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 205 Ngõ Chợ Khâm Thiên Phường Trung Phụng Quận Đống Đa Hà Nội
- CMTND số: 012369633 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 16/05/2007
- Điện thoại liên hệ: 0972.143.333
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1990 – 2010	Cán bộ KT	Tổng công ty Vinaconex
2010 – Tháng 03/2014	Giám đốc	Công ty cổ phần KTXD & PTTMACT
Tháng 03/2014 - Nay	Phó Giám đốc	Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

a. Bà: NGUYỄN THỊ HOA - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HOA**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/04/1993
- Nơi sinh: Lam cốt – Tân Yên – Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Lam cốt – Tân Yên – Bắc Giang
- CMTND số: 122030687Nơi cấp: Bắc Giang Ngày cấp: 30/12/2008
- Điện thoại liên hệ: 01654277342
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2014 đến nay	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần phát triển nguồn lực và công nghệ Bình Minh
Tháng 11/2014 – nay	Trưởng ban kiểm soát	Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

b. Ông: LÊ VĂN CHIẾN – Thành viên BKS

- Họ và tên: **LÊ VĂN CHIẾN**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/07/1986
- Nơi sinh: Nga Mỹ, Nga Sơn, Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 712/Nơ 1, KĐT Pháp Vân-Tứ Hiệp, Hoàng Mai, Hà Nội
- CMTND số:172711075 Nơi cấp: Thanh Hóa Ngày cấp:23/07/2013
- Điện thoại liên hệ: 0972 388 481
- Trình độ chuyên môn: Chuyên Viên Tài Chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2010 - 2011	Nhân viên kinh doanh	Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu EuroWindow
2011 – Tháng 11/2014	Chuyên viên kế hoạch phát triển mạng lưới	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội - MIC
Tháng 11/2014– nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

c. Ông: NGÔ VĂN LÂM – Thành viên BKS

- Họ và tên: **NGÔ VĂN LÂM**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 29/05/1970
- Nơi sinh: Thôn Châu nõ, xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Châu Nõ, xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang
- CMTND số:121613864 Nơi cấp: Bắc Giang Ngày cấp:24/10/2008
- Điện thoại liên hệ: 0979.443.128
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện máy
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1990 – Tháng 11/2014	Cán bộ quản lý thiết bị	Tổng CT Vinaconex 6
Tháng 11/2014 - nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công Ty CP Nông Nghiệp Xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần,
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Lý lịch Kế toán trưởng

Ông: NGUYỄN ĐÔNG MINH - Kế toán trưởng

- Họ và tên: **NGUYỄN ĐÔNG MINH**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/09/1977
- Nơi sinh: Cao xá, Tân yên, Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 30B, Thịnh liệt, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội
- CMTND số: 013298317Nơi cấp: Bắc Giang Ngày cấp: 19/04/2010
- Điện thoại liên hệ: 0904166383
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1999 – 2005	Kế toán	Công ty thương mại tổng hợp miền Nam – Chi nhánh Hà Nội
2005 – 2008	Nhân viên kinh doanh	Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng
2008 – 2010	Phó phòng tổng hợp	Học viện báo chí tuyên truyền
2010 – 2011	Phó tổ trưởng tổ chuyên quản sau đại học	Học viện tài chính
2011 –Tháng 03/2014	Trưởng phòng tài chính tổng hợp	Học viện tài chính
Tháng 03/2014– Nay	Kế toán trưởng	Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12. Tài sản

Bảng 20

Đơn vị: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2013		31/12/2014		31/03/2015	
		Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
I	Tài sản hữu hình	-	-	35.844.715.771	34.655.849.505	35.844.715.771	34.254.712.266
1	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	290.909.090	290.909.090	290.909.090	286.060.604
2	Nhà cửa vật kiến trúc	-	-	35.282.352.136	34.125.042.688	35.282.352.136	33.737.236.888
3	Máy móc thiết bị	-	-	271.454.545	239.897.727	271.454.545	231.414.774
	Tổng cộng	-	-	35.844.715.771	34.655.849.505	35.844.715.771	34.254.712.266

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và BCTC quý I/2015 của Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

Từ năm 2013 về trước, Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, xây dựng và quy mô nhỏ nên các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thi công xây dựng là công ty thuê của các đối tác khác nhằm giảm phần chi phí mua sắm tài sản cố định do đây là chi phí lớn và công ty chưa có đủ năng lực tài chính để thực hiện do đó công ty không có tài sản cố định tại thời điểm này.

Năm 2014, Công ty tiến hành đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất sang lĩnh vực kinh doanh trang trại theo mô hình tập trung khép kín, theo hướng công nghiệp hiện đại. Nhờ tiếp nhận khối tài sản gồm: nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị đến công cụ dụng cụ, và phương tiện vận tải từ các trang trại, tài sản cố định của Công ty đã tăng lên tới gần 36 tỷ đồng.

Do hiệu quả kinh doanh của các trang trại tại Ba Vi – Hà Tây, Thanh Trì – Hà Nội, Nam Trục – Nam Định không hiệu quả như dự tính. Ngày 25/06/2015, công ty đã bán thanh lý và thu được số tiền: 8.732.366.000 đồng.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015

Bảng 21

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2014
1	Vốn điều lệ	50	-
2	Doanh thu thuần	120	108%
3	Lợi nhuận sau thuế	7,5	48%
4	Tỉ lệ LNST/DTT (%)	6,25%	-
5	Tỉ lệ LNST/VĐL	15%	-
6	Tỷ lệ cổ tức	15%	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014 của Công ty CP Nông nghiệp xanh Hưng Việt)

13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty đã được tăng lên 50 tỷ đồng từ đầu năm 2014. Sau khi hoàn thành tăng vốn Công ty đã thực hiện các hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh, hoàn thiện và đầu tư thêm vào trang thiết bị, máy móc tại các trang trại chăn nuôi, phát triển theo mô hình sản xuất chăn nuôi tập trung, hiện đại, khép kín tạo điều kiện cho hoạt động quản trị chất lượng, có khả năng tự cung một phần nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài từ thị trường.

Tính đến hết quý I/2015, công ty đạt 13,3 tỷ đồng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt xấp xỉ 1 tỷ đồng, tương ứng bằng 11,1 % kế hoạch doanh thu và 13,3% kế hoạch lợi nhuận của công ty năm 2015. Quý II/2015 công ty đã ký thêm được 2 hợp đồng với trị giá 48 tỷ đồng như đã trình bày ở trên. Tổng giá trị hợp đồng ký kết đến hết tháng 06/2015 hiện đạt 61,27 tỷ.

Ngoài ra, Công ty hiện còn tồn kho 86,15 tỷ hạt tiêu Chur Sê, theo Nghị quyết HĐQT số 01/2015/HV/NQ-HĐQT, công ty có kế hoạch xuất khẩu 50% trong quý III/2015 và 50% còn lại trong quý IV/2015. Lượng hàng này khi được xuất bán sẽ mang lại doanh thu lớn cho công ty, và là căn cứ để kế hoạch kinh doanh năm 2015 của Công ty đạt và vượt kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

13.2. Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

Tuân thủ pháp luật:

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Quản lý, công tác tổ chức:

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Tài chính:

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm và dịch vụ mới.

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường đầu tư dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi mới nhằm nâng cao chất lượng và giảm chi phí mua thức ăn chăn nuôi ngoài thị trường.
- Tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu và hiệu quả sử dụng lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, thỏa mãn yêu cầu khách hàng, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Công ty nghiên cứu hoàn thiện quy trình chăn nuôi khép kín để sản phẩm sản xuất ra đạt hiệu quả cao, giá thành thấp.
- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm sóc mảng thị phần, khách hàng truyền thống của Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, tập trung khai thác các

nguồn hàng, duy trì thường xuyên mỗi thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

- Duy trì hiệu quả khai thác, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giảm chất thải công nghiệp...

Phát triển nguồn nhân lực:

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.

- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

14. Đánh giá của Tổ chức tư vấn niêm yết về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ phục hồi và tăng trưởng trở lại của kinh tế thế giới cũng như Việt Nam, Chúng tôi nhận thấy rằng việc phát triển kinh doanh trang trại là phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước và được nhà nước ủng hộ. Giá của các sản phẩm của Công ty trên thị trường cũng có xu hướng ngày càng ngày càng ổn định hơn. Như vậy, nếu không có những biến động bất thường của hoạt động kinh doanh của công ty và của nền kinh tế ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra cho năm 2015 là có cơ sở và khả thi. Công ty có cơ sở để đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo như kế hoạch cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn niêm yết, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng phát triển của nền kinh tế, của mô hình kinh doanh trang trại chăn nuôi tại Việt Nam cũng như của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Doanh nghiệp hoàn toàn không đảm bảo giá trị của chứng khoán niêm yết cũng như sự chắc chắn của các số liệu dự báo. Những đánh giá này chỉ có tính chất tham khảo với nhà đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

- Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

- Không có

PHẦN V: CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán : **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phiếu**
3. Mã chứng khoán : **HVA**
4. Tổng số chứng khoán niêm yết: **5.000.000 cổ phiếu**
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

Theo quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết của Công ty là **1.590.100** cổ phiếu chiếm trên 31,8% vốn điều lệ; tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm kể từ ngày niêm yết là **795.050** cổ phiếu chiếm trên 15,9% tổng số cổ phiếu.

Bảng 22

Đơn vị: cổ phần

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 1 năm kể từ ngày niêm yết
1	Phạm Trường Lâm	Chủ tịch HĐQT	218.000	109.000
2	Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	742.500	371.250
3	Nguyễn Huy Hoàng	Ủy viên HĐQT kiêm phó Giám đốc	304.600	152.300
4	Triệu Văn Hợi	Ủy viên HĐQT	230.000	115.000
5	Mai Tiến Minh	Ủy viên HĐQT	95.000	47.500
	Tổng		1.590.100	795.050

6. Phương pháp tính giá

6.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu HVA tại các thời điểm là 31/12/2013, 31/12/2014 và 31/03/2015 như sau:

Bảng 23

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/03/2015
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	3.569.485.236	54.141.188.980	55.120.082.462
Số lượng cổ phần đang lưu hành (B)	450.000	5.000.000	5.000.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C) = (A)/(B)	7.932	10.828	11.024

6.2. Phương pháp định giá

a. Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

b. Giá trị cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành chế biến thực phẩm nông sản mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên và các phương pháp định giá phù hợp khác, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HVA sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Ngày 26/06/2015, Thủ tướng chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, theo đó có quy định thay đổi về tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam theo hướng cởi mở hơn, nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/09/2015.

Tại thời điểm ngày 31/03/2015, không có cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phiếu của Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

Trong năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế, do doanh nghiệp có tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng.

Trong năm 2015, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế, do doanh nghiệp có tổng doanh thu của năm trước liền kề trên 20 tỷ đồng.

Sang năm 2016, Công ty áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện nghĩa vụ thuế khác như: thuế giá trị gia tăng, thuế sử dụng đất, thuế môn bài...

PHẦN VI

CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3577.1968 Fax: 04.3577.1966

Website: www.apec.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG T.D.K

Địa chỉ: 2A Tầng 11 sà n KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT – CA HN, Phường

Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 44500668 Fax: 04. 44500669


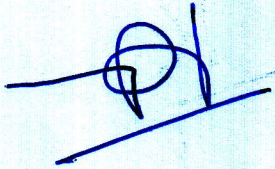

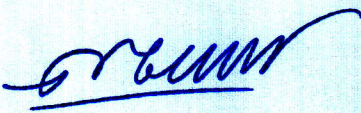
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

PHẦN VII

PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy CNĐKKD;
- 2. Phụ lục II** : Điều lệ Công ty;
- 3. Phụ lục III** : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014; BCTC Quý I/2015
- 4. Phụ lục IV** : Giới thiệu văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2015

<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	 <p><i>Phạm Trường Lâm</i></p>
<p>Giám đốc</p>	 <p><i>Nguyễn Ngọc Sơn</i></p>
<p>Trưởng ban kiểm soát</p>	 <p><i>Nguyễn Thị Hoa</i></p>
<p>Kế toán trưởng</p>	 <p><i>Nguyễn Đông Minh</i></p>

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đỗ Lăng

